

Xuân ý - Thiền ý trong thi kệ của Thiền sư Mãn Giác

ISSN: 2734-9195 09:45 26/02/2026

Cành mai vẫn còn mãi, người có thể chẳng còn, nhưng ý vị, thiền ý trong thi kệ vẫn còn mãi. Mãn Giác thiền sư như cành hoa chưa bao giờ cạn hương vị của thiền ý, mà luôn tỏa hương đến muôn đời sau.

Tác giả: **TS Phạm Văn Tuấn**

Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 01/2026

Tiểu truyện của Mãn Giác thiền sư

Mãn Giác thiền sư (1052-1096), là vị sư giai đoạn đầu thời Lý, có tên là Lý Trường, là con của Trung thư ngoại lang Lý Hoài Tố. Lý Trường, từ nhỏ ham học, đắm mình trong nền văn hóa Nho Phật Đạo. Ông sống trong giai đoạn thịnh trị nhất của giai đoạn triều Lý, khi kinh thành chuyển về Thăng Long, khi nền học thuật nước nhà từng bước định hình và đồng thời Văn Miếu Quốc Tử Giám được dựng lên thành môi trường Nho học tập trung. Lý Trường đã thấm đắm trong không gian văn hóa và xã hội đó. Đầu thời Lý, nhiều lần triều đình thỉnh xin Đại tạng kinh, và Phật giáo phát triển.



Ảnh được tạo bởi AI

Tiểu truyện Mãn Giác thiền sư (1052-1096) được quan tâm và biên dịch sang tiếng Việt hệ ngữ Latin trên các tạp chí Phật giáo, Văn học từ đầu thế kỷ XX. Trong các giai đoạn sau, các nghiên cứu công bố về lịch sử Văn học được các học giả Việt Nam tiếp tục xếp Mãn Giác thiền sư với bài thơ thị tịch vào hàng tác gia văn học. Từ Văn học thời Lý của Ngô Tất Tố, cho đến các việc biên dịch, xuất bản trên các tạp chí, các sách trong các giai đoạn về sau... Thơ văn Lý Trần tập 1 (1977) là tác phẩm được xác định và đưa ra những phân tích xác đáng về văn bản học và phiên dịch đầy đủ. Về sau, các bộ sách Lịch sử văn học Việt Nam, Tổng tập Văn học Việt Nam,... đều có những nghiên cứu và giới thiệu. Các sách về Lịch sử Phật giáo như Lược sử Phật giáo Việt Nam, Lịch sử Phật giáo Việt Nam của Vân Thanh, Việt Nam Phật giáo sử luận của Nguyễn Lang, Lịch sử Phật giáo Việt Nam do Nguyễn Tài Thư chủ biên (1988), Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh (của Lê Mạnh Thát), Thể loại loại hình Thiền uyển tập anh của Nguyễn Hữu Sơn (2003), bản dịch Thiền uyển tập anh của Ngô Đức Thọ - Nguyễn Thúy Nga... với nhiều nghiên cứu về thơ văn Lý Trần hoặc về Thiền uyển tập anh (từ đây gọi tắt là TUTA) đã đề cập đến tiểu truyện các thiền sư Việt Nam.

Tiểu truyện của Mãn Giác thiền sư đã được trọn vẹn trong Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh của tác giả Lê Mạnh Thát cũng như các bản dịch khác. Các nghiên cứu cơ bản lấy văn bản TUTA, ký hiệu A.3144 là văn bản chính lưu trữ tại kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Tiểu truyện của Mãn Giác thiền sư trong sách TUTA cho biết Nguyễn Trường là người thông hiểu đạo Nho, đạo Thích, lại lịch

duyệt qua Đại tạng kinh□□ □□, kiêm thụ lễ quán đỉnh của Mật giáo. Ông từ nhỏ đã sống trong môi văn hóa truyền thống của cha là Hoài Tố, là bậc quan lại đương triều cũng như phong khí văn hóa thời đại thời Lý. Nguyễn Trường vân du khắp nơi, về sau, hoàng triều Lý Nhân Tông xây Đạo tràng thỉnh ông đến làm viện chủ, kiêm giảng kinh tạng và chủ trì các điển lễ. Năm Hội Phong thứ 5 (1096), ông cáo tật với mọi người, rồi thị tịch, để lại bài kệ:

□□□□

□□□□

□□□□

□□□□

□□□□□□

□□□□□□

Xuân khứ bách hoa lạc

Xuân đáo bách hoa khai

Sự trục nhãn tiền quá

Lão tòng đầu thượng lai

Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận

Đình tiền tạc dạ nhất chi mai

Dịch nghĩa:

Mùa xuân đi trăm hoa rụng

Mùa xuân đến trăm hoa nở

Mọi việc vụt đi qua trước mắt

Mà trên đầu tuổi già đã đến rồi

Đừng nói rằng mùa xuân đã tàn thì hoa cũng rụng hết

Trước sân đêm qua (rồi) vẫn còn lại một cành mai

Thiền ý thi kệ: “xuân khứ” - “xuân lai” vẫn là xuân

Kệ của Mãn Giác thiền sư, là kệ, mà cũng là thơ. Thiền sư chiêm nghiệm trong cõi đời, cõi đạo, để thấy được mùa xuân đến, mùa xuân đi và mùa xuân bất tận. Đến đi và tồn tại hoặc không tồn tại như nhất. Đến rồi, đi rồi, trăm hoa nở, hoa rụng, hoa tàn... Thời gian, luân chuyển... chẳng còn gì nữa, có chăng còn lại một nhành mai trong sương sớm ở trước sân và mùa xuân luôn hiện hữu.

Trong tiểu truyện của thiền sư, ngài cũng đã chiêm nghiệm qua Đại tạng kinh trong giai đoạn chuyển đến Đại Việt. Từ Đại tạng kinh nào đó, những âm hưởng của thiền thi, của ngữ lục, của phong khí kệ thiền đối ngữ từ xa xưa còn phảng phất trong kệ thị của nhiều thiền sư. Cổ Tôn túc ngữ lục [] do Di Tạng biên tập, tập hợp nhiều ngữ lục đối đáp của các thiền sư giai đoạn Bắc Tống trở về trước, cũng có những câu, những đoạn văn bàn về mùa xuân qua đi, thời gian trôi đi, nhân sinh cũng như thế. Mùa xuân trôi qua, đi qua đó, còn được Tống tăng vắng Đông kinh hữu tụng [], ghi lại những câu như:

[]

[]

[] []

[]

Tạm dịch:

Bịn rịn đưa tiễn cao tăng nhập vào đất Lương

Mùa xuân đi rồi, mùa thu đến chẳng kể đến năm

Mênh mang khi đi chẳng có đường ngang tắt

Giang sơn chẳng vướng bận để cười với cõi trời Tây

Hoặc như thời Bắc Tống, trước giai đoạn với Mãn Giác thiền sư đã có những đối đáp ngữ lục, hoặc những tổng kết nhân sinh trong những nhận định về thời gian như lẽ vô thường. Tông Kính thiền sư trong thuật lại bản Tiêu thích Kim cương khoa nghi hộ yếu chú giải [] [] đã có nhận định, cũng như nói lên nội dung, tương tự như cách dẫn, cách ý, cách niệm, cách quán và mặc tưởng, suy tưởng trong thiền ý, trong nhân sinh, giác ngộ thiền vị để đạt đến đại viên mãn.



Ảnh được tạo bởi AI

□□□□□

□□□□□

□□□□□

□□□□□

□□□□□□□□□□□□□□□□

□□□□□□□□□□□□□□□□

□□□□□□□□□□□□□□□□

□□□□□□□□□□□□□□□□

Tạm dịch:

Mùa xuân đến mùa thu đi đến khi nào mới dừng lại

Chịu đựng than vãn về chúng sinh thì đã lại bạc đầu

Ngoài bãi phía đông rộng lớn có bao nhiêu ngôi mộ cổ

Dưới núi khu mộ kia có bao nhiêu là xương khô

Hai câu trước, như than vãn về ánh sáng tựa như tên bắn, ngày tháng trôi qua tựa thoi đưa, mùa xuân đi rồi mùa thu đến, khiến cho con người ta thay đổi thành già. Cho nên nói rằng mãi than vãn về chúng sinh thì đầu đã bạc trắng. Từ Minh thiên sư nói rằng: hôm qua còn là trẻ con, sang năm nay thì đã già rồi. Thân này như giấc mộng huyễn ở cõi phù sinh, mà mệnh người giữ lâu dài thực

Ngữ liệu trong văn học thiền tông, được Mãn Giác dung hòa, để đặt trong ngữ cảnh của tự thân, của nhân sinh, khi giác ngộ và khế hợp giữa đời và đạo.

Xuân khứ, hoặc Xuân lai là ý thơ, là thiền ý trong thơ văn thiền tông xưa nay. Xuân đã đi rồi hoặc chẳng xuân đã đến rồi, như cái gì đó còn lưu luyến lại, của xuân chưa đi hay chẳng đã đến. Xuân còn đây mà xuân đã đi. Xuân khứ, là cái khái cảm tự nhiên của xuân đến xuân đi, của xuân đã đi hoặc xuân vẫn chưa đi. Từ các thi kệ xưa còn lại, của các thiền sư giai đoạn trước giai đoạn Mãn Giác thiền sư, còn lưu dấu trong Đại tạng kinh, cho những dấu ấn về thời thế thể thời, nhân sinh như cội phù sinh, trôi đi trong hơi thở của thời gian. Chẳng thế mà từ xưa đến nay, cái khái cảm nhân sinh vẫn là cái khái cảm chính khi ranh giới sinh tử hiển hiện trước mắt. □□□□□□□□□□ Khả Tể thiền sư trong Kiến Trung Tĩnh quốc tục đăng lục □□□□□□□□□□ cũng để lại những ý vị, mà cái ý vị ấy, ta gặp lại trong kệ của Mãn Giác Nguyễn Trường:

□□□□□□□□

□□□□□□□□

Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận

Phong tiền tạc dạ nhất chi khai

Tạm dịch:

Đừng bảo xuân đã tàn rồi hoa rụng hết

Trước núi đếm trước một cành hoa nở

Ngữ cú trong kệ Mãn Giác thiền sư đã dụng phần nào trong ngữ cú của ngữ liệu thiền tông. Ngữ liệu ấy, không nhìn ở cách nhìn của người thời nay về vấn đề bản quyền hay dùng của người khác. Tri thức là của nhân loại, các ngữ dụng được dẫn trong thi kệ thiền tông là cách vận dụng linh hoạt trong từng ngữ cảnh để nhằm đạt được những ngữ nghĩa khác nhau và phù hợp từng ngữ cảnh nhất định. Từ ngữ liệu xưa, sự tiếp nhận của Mãn Giác cũng khoáng nhiên như đại ngộ, để dung hội được nhiều nguồn tư liệu, ngữ liệu trong bài kệ như ánh sáng của nhân sinh để lại.

Từ thơ xuân và đạo vị thi kệ Lý Trần

Thi kệ thiền tông trong Đại tạng kinh, cũng có cái ý vị xuân nay, xuân qua và mùa xuân bất tận mà kiếp nhân sinh hữu hạn. Khái cảm nhân sinh, hay ánh sáng sáng tỏ còn để lại của nhân sinh kiếp người. Sự giác ngộ hay khoáng nhiên

đại ngộ. Tất cả còn lại một bài kệ, để thấy kiếp nhân sinh của người tu hành, thấy sự tham cứu của con đường tu hành... mà thơ kệ thiền tông Lý Trần dường như có cùng điệu nhạc. Đâu đó khí vị xuân đến xuân đi, đâu đó những cánh hoa rơi rụng, đâu đó tiếng gió thổi mây bay...

TUTA còn ghi lại nhiều tiểu truyện các thiền sư khi đối đáp với nhau, dẫn dụ thiền ý. Những ngữ lục thiền tông được ghi lại, phần nào hiển hiện rõ cho ta thấy sự cảm ngộ nhân sinh, thiền đạo đương thời của các thiền sư người Việt, đồng thời khả năng tham đọc trong kinh tạng thời đó. Thiền sư Thiền Lão ở chùa Trùng Minh, khi có Lý Thái Tông đến hỏi:

□□□□□□□□

?

□□□□□□□□□□

Tạm dịch:

Hỏi sư: Hòa thượng ở núi đến nay được bao lâu?

Sư trả lời: Chỉ biết tháng ngày này, ai hay xuân thu cũ.

尼後沈文三祖宗派為菩薩中人於衆善
 寺後沈文三祖宗派為菩薩中人於衆善
 異陛下是皆天慈父歆平手施可獨遣使將
 遂彼有人焉不須往化又唐相國權德輿傳
 法序云又曹溪後後禪法盛行各有宗緒者
 彰敬師禪師以馬祖心要化行於吳越無言
 通大士傳百丈宗旨開悟于交州此其效驗
 也后又問二宗傳授之次師曰流支派者即
 今林思生王真是也無言派者即今梅國照
 顏廣智即今雷荷澤是也其餘旁出告不悉
 舉后大喜乃拜師為僧錄賜紫衣袈裟通

21a

辦大師兼加厚賞以寵榮焉召入內拜為
 國師訪問禪要深得其旨有傳云色色
 大法兩其教人修已常以法華經為用故時
 人謂之悟法華龍影室嗣二年甲寅二月十
 日自告疾 究連教源寺滿覺大師安格
 卿墮屋人也姓阮諱長父懷素任至中書員
 外郎李仁宗潛龍儲邸詔召來子弟八侍左
 右師以傳聞強記學通儒釋得預其進公退
 常以禪那為念及帝即位因其素尚賜各懷
 信英武詔勝中衣誦出家既得准頂廣智之

21b

印乃龍錫雲遊徧求道契所至學者麀集
 大藏經得無師智為一時法門領袖帝與感
 靈仁皇太后方留心禪李乃於景興宮側起
 起其寺延請居之以便顧問與語不名帝曰
 長老一日謂曰至人示現必務濟生無行不
 具無事不修非唯定惠之力亦有贊襄之功
 宜敬任之乃授教源禪院依信大師傳祖無
 修無證心印奉詔入內道場賜紫大沙門同
 三司公事時闕戶五十人會豐五年十一月
 晦告疾示衆偈云春夫百花落春到百花開
 事逐眼前過老從頭上來莫謂春殘花落尽

庭前昨夜一枝梅是夕結跏而逝壽四十有
 五僧臘下九帝贈以厚禮公卿各齎香信茶
 祀收舍利塔于安格崇岩寺勅謚滿覺
 應天府寧山隆恩寺悟印禪師金碑御思理
 人也少諱氏諱棄母翟氏幼未嫁時家在墓
 林之側見弋宿鳥者終無謂曰寧受死為菩
 不受生為惡一日方織錦有大獼猴自林中
 出來抱其背竟日乃去翟氏覺有娠反生而
 惡之棄于林間同鄉占城具師諱氏取而鞠
 之因名以棄年至十聽習儒業學問日進尤
 明唐書年十九歲出家具足戒定於國竟公

“Thùy thức cự xuân thu” cũng là cái khái cảm về thời gian, về không gian. Cả câu trả lời của Thiền Lão, là công án, nhưng cũng là khái cảm về nhân sinh, về đời sống tu hành khi đã không còn phân biệt thời gian nữa, tất cả là tự nhiên, an nhiên, mặc nhiên mà thôi.

Đến như thiền sư Viên Chiếu ở chùa Cát Tường, cũng là thiền sư đương thời với Mãn Giác, lại nhiều lần vận dụng hoa nở, xuân đến như ngữ cảnh để dẫn dụng

thiền ý. Trong TUTA, có thể Viên Chiếu là thiền sư có tiểu truyện với ngữ lục đối đáp dài nhất và nhiều lần mượn hoa, mượn xuân, mượn tùng trúc, cây cỏ để nghiệm nhân sinh, đạo vị. Viên Chiếu chiêm nghiệm “vừa chợt thấy xuân sinh ra, không thấy mùa hạ sinh trưởng, lại gặp mùa thu chín rồi, cho đến mùa xuân thu tàng lại [] , [] ”. Cái ngữ dụng ấy, không phải là cái cảm thán của một thời gian nhất định, mà là phi định, đến vô cùng. Hoặc chẳng Trường Nguyên thiền sư, cũng miêu tả xuân đến chim oanh hót bên hoa; Vạn Hạnh thiền sư cũng vận dụng cái ý: vạn mộc xuân vinh thu hựu khô [] , để hiển hiện trong kệ thị tịch. Về sau, Chân Không thiền sư ở chùa Chúc Thánh núi Phả Lại, cũng có những vần thơ thấm đẫm xuân ý, mà thiền vị lan tỏa như miền man khi được hỏi về “khi sắc thân hư hoại thì thế nào [] ”, thiền sư đã trả lời:

--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--	--	--	--

Xuân lai xuân khứ nghi xuân tận

Hoa lạc hoa khai chỉ thị xuân

Tạm dịch:

Xuân đến xuân đi nghi xuân hết

Hoa rơi hoa nở chỉ là xuân

Đó là thiền vị, là giác ngộ, là nhân sinh. Đó cũng là ý xuân, ngắm xuân, hiểu xuân là mùa xuân bất tận. Đó cũng là thưởng hoa, nhìn hoa, thấy hoa. Thấy hoa rơi mà giác ngộ nhân sinh; thấy hoa nở mà hiểu đời hiểu đạo.

Đến thiền ý trong kệ của Mãn Giác thiền sư

Mãn Giác thiền sư khái cảm về mùa xuân đi qua trăm loài hoa, hay trăm bông hoa đã rụng.

Ở đây, hai từ “百 一 bách hoa - trăm hoa” là trăm bông hoa, hay trăm loài hoa. Cũng như ý vị thơ thiền tông thời Lý, hoặc trong kinh tạng nhiều lần nói đến con số bách hoa, hoặc vạn hoa. Con số, chỉ là tượng trưng cho khi mùa xuân đến hoa nở hoặc tàn. Mãn Giác mở đầu bài kệ, bằng ý vị khi mùa xuân đi qua chứ không phải mùa xuân vừa đến. Đây là nhân sinh khi Thiền sư cảm thấy mùa xuân nhân sinh đã đi qua rồi. Xuân khứ bách hoa lạc, là mùa xuân đã đi qua cũng như nhân sinh đã qua rồi, từ đó, cho đến xuân đáo bách hoa khai - xuân

đến trăm hoa nở.



Ảnh được tạo bởi AI

Mọi việc như luân chuyển, chuyển đổi, đến đi, đến vô cùng. Ngày qua tháng lại, tháng lại ngày qua; hoa nở rồi tàn rồi lại nở. Nhân sinh muôn việc cũng như hoa, đến đi đều như thế: Sự trực nhãn tiền quá là muôn việc được chiêm nghiệm như chớp mắt, đã qua hết cả. Hoa nở từ xuân này sang xuân kia, hoa tàn xuân này đến xuân nọ, cũng chỉ như chớp mắt đã trôi qua, cho đến khi đầu đã bạc, đã già rồi. Câu “lão tông đầu thượng lai” như một nguyên điển trong kinh văn thiền tông được vận dụng lại, nhưng nó hiện thực, nó hiện hữu nhân sinh qua cảm giác sinh tử, giữa cõi sống của sinh sôi (khai) và rơi rụng (lạc) nhưng, qua hết là đầu đã bạc. Lão tông đầu thượng lai, là hiện thực hiện hữu trong cái vô cùng của thời gian không gian trong thi kệ của Mãn Giác thiền sư, cũng như nhiều thi kệ trong ngữ lục, công án thiền tông. Đây là thiền vị, là thi ý, là thơ, là nhân sinh.

Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận

Đình tiền tạc dạ nhất chi mai

Hai câu cuối bài kệ như một tuyên ngôn thiền lý, một ý vị, giác ngộ thiền. Thiền sư như thể nhập vào từng cánh hoa, từng hương vị mùa xuân, từ muôn hoa, đến một cành mai.

Cành hoa mai bất định, vô định và tồn tại hằng hữu trong thiền ý, trong ý niệm, tâm thức không chỉ trong tâm thức Mãn Giác thiền sư, mà còn lại mãi trong những người được cảm nhận, thưởng lãm chút hương vị nghìn năm còn lại. Mùa xuân đã đi rồi, mùa xuân lại đến rồi, mùa xuân đã tàn rồi nhưng mùa xuân vẫn còn đấy. Không có gì mất đi, không còn gì hằng hữu, có chăng, thiền ý, thi vị hãy còn mãi.

Kết luận

Cành mai vẫn còn mãi, người có thể chẳng còn, nhưng ý vị, thiền ý trong thi kệ vẫn còn mãi. Mãn Giác thiền sư như cành hoa chưa bao giờ cạn hương vị của thiền ý, mà luôn tỏa hương đến muôn đời sau. Hương thơm đó, là kết tinh của tinh hoa trí tuệ thiền sư, cũng là sự hun đúc trong quá trình tu tập, có chút hương vị của lịch đại tổ sư trong kinh tạng cổ xưa.

Khái cảm về thi kệ của lịch đại tổ sư xưa, là những cảm nhận nhân sinh để từ đó hiểu đời hiểu đạo. Ảnh xạ nhân sinh không chỉ là sự cảm nhận của thơ, của từ, của đạo mà đặt trong tổng thể tư tưởng Phật giáo đương thời. Đồng thời, cũng là thấy dư vị của thiền tông, của văn hóa Phật giáo các thời, truyền đến trong từng cảm nhận của nhân sinh thiền sư. Từ đó, hiểu sâu hơn đời, đạo, lịch sử Phật giáo, văn hóa Phật giáo, văn học Phật giáo và thiền, tư tưởng, triết học của người Việt, trong từng cánh hoa rơi nơi cửa thiền khi mùa xuân về!

Tác giả: **TS Phạm Văn Tuấn** - Viện Nghiên cứu Hán Nôm

(Viết ở Thời Vũ viện - 15.12.2025).

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 01/2026

Chú thích:

(1) Các tư liệu như *Tổng hội yếu tập cảo*, phần *Phiên di cho biết thời Lý Càn Đức - Nhân Tông (1072-1128)*, *An Nam cử Lý Hoài Tố làm Phó sứ sang triều cống phương vật*. Xem: *Tổng hội yếu tập cảo*, *Từ Tụng thời Thanh biên tập*, Trung ương nghiên cứu viện - *Lịch sử ngữ ngôn nghiên cứu sở*, cùng *Tứ Xuyên Đại học*

Cổ tịch chính lý nghiên cứu sở, Havard Đại học Đông Á văn minh hệ, chủ trì xuất bản tại Đài Loan, năm 2008.

(2) Các bản Thiền uyển tập anh, bản Hán văn đều ghi ông là Nguyễn Trường. Ông vốn họ Lý, có thể do sau này khi triều Lý không còn, nhiều văn bản thời Trần về sau ghi về họ Lý thành họ Nguyễn.

(3) Thời Lê Sơ đã bắt đầu thỉnh Đại tạng kinh từ nhà Tống. Đến đầu thời Lý, Đại Việt tiếp tục thỉnh các bộ Đại tạng kinh.

Tham khảo tài liệu:

- 1] Thiền uyển tập anh, kí hiệu A.1344 tại kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm*
- 2] Trần Văn Giáp soạn, Tuệ Sỹ dịch: Việt Nam Phật giáo, từ khởi nguyên đến thế kỷ XIII, Vạn Hạnh xuất bản 1968.*
- 3] Lê Mạnh Thát: Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh, NXB Hồng Đức, 2021.*
- 4] Nguyễn Hữu Sơn: Loại hình tác phẩm Thiền uyển tập anh, NXB KHXH, 2002.*
- 5] Ngô Ngôn Sinh: Thiền tông thi ca cảnh giới, Trung Hoa thư cục xuất bản, 2001 (sách tiếng Trung Quốc).*
- 6] Thơ văn Lý Trần, Viện Văn học, 3 tập, 1978.*